

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH THƯƠNG MẠI LINH VY
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH THƯƠNG MẠI LINH VY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109085763

3. Ngày thành lập: 12/02/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 11D Ngõ 14, Đội 1, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0962137686

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
2.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
3.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
4.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
5.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
6.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
7.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
8.	Sản xuất giày, dép	1520
9.	Sản xuất hoá chất cơ bản (trừ hóa chất nhà nước cấm)	2011
10.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
11.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
12.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
13.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
14.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
15.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
16.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
17.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
18.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
19.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
20.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
21.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732

22.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
23.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
24.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
25.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
26.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
27.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
28.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
29.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
30.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, các mặt hàng trang trí nội thất, ngoại thất, các loại đường ống, phụ kiện, thiết bị ngành nước	3290
31.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
32.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
33.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
34.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
35.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
36.	Tái chế phế liệu	3830
37.	Xây dựng nhà để ở	4101
38.	Xây dựng nhà không để ở	4102
39.	Xây dựng công trình điện	4221
40.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
41.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299(Chính)
42.	Phá dỡ	4311
43.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
44.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
45.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
46.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
47.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
48.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
49.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác loại mới và loại đã qua sử dụng.(Trừ hoạt động đấu giá)	4511
50.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
51.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ (Trừ hoạt động đấu giá)	4530

52.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
53.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
54.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
55.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
56.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Chi tiết: Bán buôn van và ống điện tử, thiết bị bán dẫn, mạch tích hợp và mạch vi xử lý, thiết bị điện thoại và truyền thông, tivi, radio, thiết bị vô tuyến, hữu tuyến...	4652
57.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
58.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
59.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
60.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
61.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
62.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
63.	Bán buôn tổng hợp	4690
64.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
65.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
66.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
67.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
68.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
69.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
70.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
71.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
72.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
73.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
74.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
75.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Loại trừ hoạt động đấu giá	4791
76.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Loại trừ hoạt động đấu giá	4799
77.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
78.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
79.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221

80.	Bốc xếp hàng hóa	5224
81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
82.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ các hoạt động vận tải đường hàng không)	5229
83.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
84.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
85.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
86.	Cho thuê xe có động cơ	7710
87.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
88.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
89.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
90.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
91.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: - Vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác; - Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi cất, ống thông gió, các bộ phận của ống; - Vệ sinh bể bơi hoặc bảo dưỡng - Quét đường và cào tuyết;	8129
92.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
93.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
94.	Dịch vụ đóng gói	8292
95.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
96.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
97.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN VĂN ĐẠT

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 02/09/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 035078002321

Ngày cấp: 26/07/2018

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 11D ngõ 14, Đội 1, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 11D ngõ 14, Đội 1, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội